CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH[1]
Về kinh doanh xổ số

Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012;

Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,[2]

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 03 Nghị định sau:

- Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2007;

- Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xổ số, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012;

- Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018;

Văn bản hợp nhất này không thay thế 03 Nghị định nêu trên.

[2] Nghị định số 78/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP của Chính phủ về kinh doanh xổ số (sau đây viết tắt là Nghị định số 78/2012/NĐ-CP), có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hoạt động kinh doanh xổ số của các doanh nghiệp kinh doanh xổ số và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với việc tổ chức các chương trình dự thưởng có tính chất may rủi gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ thuộc các hình thức khuyến mại theo quy định của Luật Thương mại.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Kinh doanh xổ số là hoạt động kinh doanh dựa trên các sự kiện có kết quả ngẫu nhiên, được tổ chức theo nguyên tắc doanh nghiệp thu tiền tham gia dự thưởng của khách hàng và thực hiện trả thưởng cho khách hàng khi trúng thưởng.

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số";

Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Nghị định số 151/2018/NĐ-CP), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 09 tháng 12 năm 2000 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 3 năm 2011;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư ngày 22 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính."

2. Kết quả ngẫu nhiên sử dụng để kinh doanh xổ số, bao gồm:

a) Kết quả ngẫu nhiên của việc xuất hiện tập hợp các chữ số, chữ cái;

b) Kết quả ngẫu nhiên của việc xuất hiện tập hợp các biểu tượng, các dấu hiệu;

c) Các kết quả ngẫu nhiên khác.

3. Xổ số truyền thống là loại hình xổ số có in sẵn trước giá vé; các chữ số, chữ cái để khách hàng lựa chọn tham gia dự thưởng. Số lượng các chữ số, chữ cái được giới hạn trong phạm vi vé số phát hành và việc xác định kết quả trúng thưởng được thực hiện sau thời điểm phát hành vé số.

4. Khách hàng là người tham gia dự thưởng xổ số.

5. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan để kinh doanh xổ số.

6. Hoa hồng đại lý là khoản tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị vé số đã bán.

7. Tỷ lệ trả thưởng là tỷ lệ giữa giá trị các giải thưởng so với giá trị vé số phát hành hoặc doanh thu bán vé số.

8. Vé số là phương tiện do doanh nghiệp kinh doanh xổ số phát hành để phân phối cho khách hàng. Vé số được phát hành dưới các hình thức: chứng chỉ, thẻ có in mệnh giá, hoặc các hình thức và phương tiện khác cho phép khách hàng sử dụng để tham gia dự thưởng xổ số.

Điều 3. Nguyên tắc kinh doanh xổ số

1.[3] *Kinh doanh xổ số là ngành nghề kinh doanh có điều kiện, chịu sự kiểm soát chặt chẽ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đảm bảo đáp ứng nhu cầu giải trí của một bộ phận người dân có thu nhập chính đáng và đảm bảo an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Chỉ có doanh nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số mới được phép tổ chức hoạt động kinh doanh xổ số.*

2. Hoạt động kinh doanh xổ số phải đảm bảo minh bạch, khách quan, trung thực, bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia.

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Điều 4. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh xổ số

1. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh xổ số.

2. Tổ chức kinh doanh theo đúng thể lệ đã công bố với khách hàng.

3. Thanh toán đầy đủ, kịp thời các giải thưởng cho khách hàng khi trúng thưởng; bảo đảm bí mật về thông tin trúng thưởng và thông tin nhận thưởng theo yêu cầu của khách hàng trúng thưởng.

4. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và các quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5.[4] Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thực hiện tuyên truyền, phổ biến và khuyến cáo cho người tham gia dự thưởng xổ số kiểm soát mức độ tham gia dự thưởng xổ số.

Điều 5. Trách nhiệm, quyền lợi của người tham gia dự thưởng xổ số

1. Người tham gia dự thưởng xổ số có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Nhà nước về kinh doanh xổ số; thể lệ tham gia do doanh nghiệp kinh doanh xổ số công bố và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Người tham gia dự thưởng xổ số có các quyền lợi sau:

a) Được doanh nghiệp kinh doanh xổ số thanh toán đầy đủ giá trị các giải thưởng đã trúng thưởng. Trường hợp vì nguyên nhân khách quan (ốm đau, bệnh tật…) không thể trực tiếp tham gia lĩnh thưởng thì có thể ủy quyền cho người đại diện hợp pháp của mình để lĩnh thưởng;

b) Cá nhân là người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam khi trúng thưởng được phép mua ngoại tệ và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối của Nhà nước;

c) Được quyền yêu cầu doanh nghiệp kinh doanh xổ số giữ bí mật về thông tin trúng thưởng và các thông tin nhận thưởng của cá nhân;

d) Được hưởng các quyền lợi hợp pháp khác theo thể lệ tham gia dự thưởng do doanh nghiệp kinh doanh xổ số công bố.

Điều 6. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Tổ chức kinh doanh xổ số trái phép dưới mọi hình thức và mọi loại phương tiện.

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

2. Sử dụng kết quả xổ số do các doanh nghiệp kinh doanh xổ số phát hành để tổ chức các chương trình dự thưởng.

3. Phát hành xổ số từ nước ngoài cho các tổ chức, cá nhân ở trong nước.

4. Làm sai lệch kết quả trúng thưởng.

5. Sử dụng tiền của Nhà nước để tham gia dự thưởng xổ số.

6. Làm giả vé số dưới mọi hình thức.

7. Sử dụng xổ số làm phương tiện để rửa tiền.

8.[5] Cung cấp thông tin dự đoán trước kết quả xổ số.

9.[6] Lợi dụng hình thức khuyến mại mang tính may rủi để kinh doanh xổ số trái phép với mục tiêu kiếm lợi nhuận thông qua việc thu tiền của khách hàng.

10.[7] Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG KINH DOANH XỔ SỐ

Điều 7. Các loại hình xổ số

1. Xổ số truyền thống.

2.[8] Xổ số tự chọn số (thủ công, điện toán).

3. Xổ số biết kết quả ngay (xổ số cào, xổ số bóc).

4. Các loại hình xổ số khác theo quy định của pháp luật.

5.[9] Bộ Tài chính quy định danh mục sản phẩm cụ thể đối với các loại hình xổ số theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 30/2007/NĐ-CP trong từng thời kỳ để bảo đảm mục tiêu quản lý của Nhà nước.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Điều 8. Địa bàn kinh doanh xổ số

Doanh nghiệp thực hiện kinh doanh xổ số trên địa bàn toàn quốc hoặc tại từng khu vực theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 9. Đối tượng tham gia dự thưởng xổ số

1. Công dân Việt Nam ở trong nước.

2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam.

3. Người nước ngoài nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam.

Các đối tượng tham gia dự thưởng xổ số phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

Điều 10. Vé số

1. Vé số do doanh nghiệp kinh doanh xổ số phát hành và phân phối cho khách hàng để tham gia dự thưởng xổ số. Mệnh giá của vé số do Bộ Tài chính quy định cho từng thời kỳ.

2. Vé số có các nội dung sau đây:

a) Tên tổ chức phát hành;

b) Giá mua của vé số;

c) Số ký hiệu của tờ vé số;

d) Các chữ số, chữ cái, kết quả ngẫu nhiên để khách hàng lựa chọn;

đ) Ngày mở thưởng hoặc thời hạn lưu hành của vé số;

e) Các dấu hiệu chống làm giả;

g) Các thông tin khác có liên quan.

Điều 11. Phân phối vé số

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải đảm bảo cung ứng đủ số lượng vé theo từng loại ký hiệu đã thông báo phát hành để khách hàng lựa chọn kết quả tham gia dự thưởng.

2. Vé số được doanh nghiệp kinh doanh xổ số phân phối tới khách hàng theo các phương thức:

a) Bán trực tiếp cho khách hàng;

b) Thông qua hệ thống đại lý xổ số;

c) Thông qua các thiết bị điện tử, phương tiện viễn thông, Internet.

3.[10] Số lượng vé của từng đợt phát hành do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định cụ thể nhưng không được vượt quá hạn mức số lượng, giá trị vé phát hành hoặc phải đảm bảo tỷ lệ tiêu thụ vé bình quân tối thiểu trong từng thời kỳ do Bộ Tài chính quy định.

Điều 12. Đại lý xổ số

1. Đại lý xổ số là tổ chức, cá nhân thực hiện ký hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh xổ số để thực hiện tiêu thụ vé và trả thưởng cho khách hàng khi trúng thưởng.

2. Để làm đại lý xổ số, các tổ chức, cá nhân phải đảm bảo các điều kiện sau:

a)[11] Là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam; nếu là tổ chức phải là tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;

b) Có hình thức bảo đảm thanh toán theo quy định tại Điều 13 Nghị định này để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

c)[12] Cán bộ, nhân viên làm việc tại doanh nghiệp kinh doanh xổ số; vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột, anh, chị, em nuôi của Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban nghiệp vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số không được làm đại lý xổ số.

3. Đại lý xổ số được hưởng hoa hồng đại lý trên giá trị vé số đã bán và phí thanh toán trên giá trị các giải thưởng đã thanh toán.

Điều 13. Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các đại lý xổ số

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số áp dụng các biện pháp để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của các đại lý xổ số, bao gồm:

1. Cầm cố tài sản.

2. Thế chấp tài sản.

3. Đặt cọc.

4. Ký quỹ.

5. Bảo lãnh.

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[11] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[12] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Điều 14. Cơ cấu giải thưởng

Số lượng các giải thưởng của từng đợt phát hành xổ số do doanh nghiệp kinh doanh xổ số xác định phù hợp với tỷ lệ trả thưởng và cơ cấu giải thưởng theo quy định của Bộ Tài chính.

Điều 15. Tổ chức xác định kết quả trúng thưởng

1. Số lượng các lần mở thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số trong từng thời kỳ do Bộ Tài chính quy định.

2. Việc xác định kết quả trúng thưởng phải đảm bảo nguyên tắc công khai, khách quan, trung thực và tuân thủ các quy định của thể lệ quay số mở thưởng đã công bố.

3. Kết quả quay số mở thưởng phải có sự giám sát và xác nhận của Hội đồng giám sát quay số mở thưởng.

Bộ Tài chính quy định thành phần, cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng giám sát xổ số.

4.[13] Thời gian quay số mở thưởng do doanh nghiệp kinh doanh xổ số quyết định nhưng không được chậm hơn khung thời gian quay số mở thưởng do Bộ Tài chính quy định cho các khu vực.

Điều 16. Thực hiện trả thưởng

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm thanh toán đầy đủ giá trị các giải thưởng cho khách hàng trúng thưởng theo đúng thể lệ tham gia dự thưởng đã công bố.

2.[14] Thời hạn trả thưởng của doanh nghiệp đối với khách hàng tối đa là 60 ngày, kể từ ngày xác định kết quả trúng thưởng hoặc kể từ ngày hết hạn lưu hành của vé số. Quá thời hạn, các vé trúng thưởng không còn giá trị lĩnh thưởng.

Căn cứ vào thời hạn trả thưởng tối đa nêu trên, Bộ Tài chính quy định thời hạn trả thưởng cụ thể cho từng loại hình, sản phẩm xổ số.

3. Người trúng thưởng có thể lĩnh giải thưởng bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

---

[13] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[14] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Điều 17. Quản lý vé số không tiêu thụ hết, vé số trúng thưởng

1. Vé số không tiêu thụ hết phải được quản lý chặt chẽ, bảo đảm không bị lợi dụng để lĩnh thưởng.

2. Thời hạn lưu trữ và việc tiêu hủy vé không tiêu thụ hết, vé trúng thưởng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

Chương III
THÔNG TIN, QUẢNG CÁO VÀ KHUYẾN MẠI

Điều 18. Nguyên tắc thông tin

1. Thông tin về xổ số phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời và phải được cung cấp bởi tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

2. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin đã công bố.

Điều 19. Nội dung thông tin

1. Các quy định của Nhà nước có liên quan đến hoạt động kinh doanh xổ số.

2. Thể lệ tham gia dự thưởng xổ số; thể lệ quay số mở thưởng.

3. Số lượng vé phát hành, số ký hiệu vé phát hành, cơ cấu giải thưởng.

4. Kết quả trúng thưởng xổ số.

Điều 20. Phương tiện, địa điểm công bố thông tin

1. Thông tin về xổ số được công bố tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm phát hành vé số.

2. Kết quả xổ số được phép thông tin trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Điều 21. Quảng cáo về xổ số

1. Các doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện quảng cáo về xổ số theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm các hành vi quảng cáo sau:

a) Quảng cáo việc trúng thưởng là kết quả đương nhiên khi tham gia dự thưởng xổ số;

b) Quảng cáo việc tham gia dự thưởng xổ số sẽ cải thiện được tình hình tài chính của người tham gia;

c) Có hình ảnh vi phạm thuần phong, mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc;

d) Khuyến khích các hành vi vi phạm pháp luật trong kinh doanh xổ số;

đ) Các hành vi bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Khuyến mại về xổ số

Nghiêm cấm việc khuyến mại về xổ số dưới mọi hình thức.

Chương IV
DOANH NGHIỆP KINH DOANH XỔ SỐ

Điều 23. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn.

2.[15] ***(được bãi bỏ)***

3.[16] ***(được bãi bỏ)***

4.[17] ***(được bãi bỏ)***

5.[18] ***(được bãi bỏ)***

Điều 24. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số do Bộ Tài chính cấp, xác nhận việc đủ điều kiện để kinh doanh xổ số của các doanh nghiệp.

---

[15] Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

- Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[17] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

- Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

[18] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

- Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

2. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số, trong đó có nêu rõ về loại hình sản phẩm đề nghị được phép kinh doanh;

b) Các tài liệu có liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp bao gồm:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp; quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

c) Điều lệ của doanh nghiệp;

d) Các tài liệu khác có liên quan.

Điều 25. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số trong các trường hợp sau:

1. Vi phạm các quy định của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh xổ số.

2. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.

Chương V
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 26. Chế độ tài chính

1. Năm tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

2. Hoạt động kinh doanh xổ số được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng hạch toán vào chi phí kinh doanh.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh xổ số và hạn chế các tác động tiêu cực xã hội phát sinh.

Điều 27. Chế độ kế toán và báo cáo

Chế độ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 28. Kiểm toán, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải được kiểm toán hàng năm.

2. Sau khi kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện công bố các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh xổ số

1. Các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

2. Vi phạm các quy định về phát hành, phân phối vé số.

3. Vi phạm các quy định về tổ chức quay số mở thưởng; tổ chức trả thưởng cho khách hàng.

4. Vi phạm các quy định về quảng cáo, khuyến mại trong hoạt động kinh doanh xổ số.

5. Vi phạm các quy định về quản lý tài chính, kế toán, thống kê, kiểm toán.

6. Vi phạm quy định về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Cạnh tranh bất hợp pháp.

8. Cung cấp thông tin, số liệu, báo cáo sai sự thật.

9. Các hành vi vi phạm khác về kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2.[19] Các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về hoạt động kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính đối với hoạt động kinh doanh xổ số.

3.[20] Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm 8, Khoản 3 Điều 1 của Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật

---

[19] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

[20] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

hiện hành đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng kết quả xổ số và thông tin kết quả trúng thưởng.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN[21]

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, quy hoạch, chính sách và mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh xổ số.

---

[21] Điều 2 và Điều 3 Nghị định số 78/2012/NĐ-CP, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012 quy định như sau:

"Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

- Điều 15 Nghị định số 151/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018 quy định như sau:

Điều 15. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, thẩm định giá, xổ số, trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, casino, đặt cược, dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện; Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh chứng khoán; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện tổ chức kinh doanh chứng khoán của tổ chức kinh doanh chứng khoán nước ngoài; chấp thuận công ty chứng khoán được thực hiện giao dịch ký quỹ, giao dịch trong ngày; chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa được cơ quan quản lý nhà nước cấp giấy hoặc chấp thuận thì được áp dụng các điều kiện đầu tư, kinh doanh quy định tại Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./.

2. Ban hành và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kinh doanh xổ số.

3. Ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về kinh doanh xổ số.

4. Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xổ số.

5. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm pháp luật về kinh doanh xổ số.

6. Đào tạo nghiệp vụ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xổ số.

Điều 32. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các biện pháp để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trong hoạt động kinh doanh xổ số.

2. Tổ chức công tác đấu tranh phòng chống các hoạt động kinh doanh xổ số trái phép.

Điều 33. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước khác

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi, nhiệm vụ quyền hạn của mình có trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc quản lý nhà nước về kinh doanh xổ số trên địa bàn.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các doanh nghiệp kinh doanh xổ số hiện có phải làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Nghị định này.

2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 12/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 18 tháng 01 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Huỳnh Quang Hải